

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Q.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Tùng Long.

- Bà Hoàng Nữ Ngọc Oanh.

Thư ký phiên toà: - Bà Lê Thị Thủy. Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Lộc Hà tham gia phiên toà:

Ông Trần Văn Hải.

Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/HSST-QĐ ngày 08/7/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN N; Sinh ngày 06/8/1980, tại xã C, huyện C, tỉnh H; Nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1948; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1946, hiện già yếu trú tại tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh H; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại thôn Y, xã C, huyện C, tỉnh H; Con: 03 đứa, đứa lớn sinh năm 2004, đứa nhỏ sinh năm 2018; Nhân thân: Ngày 07/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “trộm cắp tài sản”; Tiền án, Tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2021 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Xuân L; Sinh năm: 1950; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *Có mặt tại phiên tòa*

- Bà Trương Thị S; sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T,

tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *Có mặt tại phiên tòa*

- Anh Lê A; Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số nhà 10, ngõ 15, TDP 4, phường T, thành phố H; Nghề nghiệp: Cán bộ. *Có mặt tại phiên tòa*

- Bà Hoàng Thị N; Sinh năm 1959; Nơi cư trú: TDP 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *Có mặt tại phiên tòa*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Công M; Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh H. Nghề nghiệp: Buôn bán. *Có mặt tại phiên tòa*

- Ông Phạm Văn Q; Sinh năm 1959; Nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh H. *Vắng mặt tại phiên tòa*

- Ông Trần Quý H; Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Buôn bán. *Có mặt tại phiên tòa*

- Ông Trần Văn Đ; Sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh H. *Vắng mặt tại phiên tòa*

- Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Y, xã C, huyện C, tỉnh H. Nghề nghiệp: Làm ruộng. *Có mặt tại phiên tòa*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N hiện làm nghề đóng biển quảng cáo tại thành phố Hà Tĩnh, do công việc không ổn định, không có thu nhập nên N nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản là trâu, bò của người dân chăn thả ở các khu vực xa khu dân cư để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình trong một lần đi làm, N gặp ông Phạm Văn Q đi xe mô tô kéo theo xe chở bò nên N xin số điện thoại của ông Q với ý định bắt trộm được trâu, bò sẽ thuê ông Q chở. Cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào sáng ngày 07/02/2021, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 53S8 - 6566 của mình từ nhà đi thành phố H, tỉnh H. Khoảng 10 giờ cùng ngày, N đến bãi đất trống gần khu đô thị Vinhomes Center, thuộc phường T, thành phố H, quan sát thấy 01 con bò đực, lông màu vàng, khoảng 06 năm tuổi của chị Trương Thị S đang buộc vào một chiếc cọc cắm giữa bãi đất trống. Quan sát xung quanh thấy vắng người, N đi lại vị trí buộc bò, dùng con dao rọc giấy mang theo cắt dây buộc bò rồi gọi cho ông Phạm Văn Q đến chở con bò đi bán. Khoảng 40 phút sau, ông Q đi đến, N dắt con bò trên lên xe kéo của ông Q rồi cùng ông Q đem con bò trên đến một quán bán thịt bò tư

nhân không rõ địa chỉ ở huyện H để bán, nhưng vì chê bò ốm nên chủ quán ở đây không mua. Trên đường về, theo lời giới thiệu của ông Q thì N được biết anh Dương Công M có nhận thu mua trâu bò, N gọi điện cho anh M hỏi có mua bò không thì anh M yêu cầu đưa bò đến nhà để xem và đồng ý mua con bò với số tiền 20.800.000 đồng. N nhận tiền rồi trả cho ông Q 300.000 đồng tiền chở thuê. Đến ngày 08/02/2021, anh M chở con bò trên đến lò giết mổ gia súc ở xã V, huyện T bán cho anh Trần Văn Đ với số tiền là 21.400.000 đồng. Con bò này sau đó anh Đ đã giết mổ lấy thịt bán trên thị trường.

- *Lần thứ hai:* Vào trưa ngày 23/02/2021, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 53S8 - 6566 từ nhà đi ra thị trấn C, huyện C, tỉnh H tìm trâu, bò thả rông để lấy trộm. Khi đến bãi đất trống phía sau Bệnh viện đa khoa huyện C, N quan sát thấy 01 con bò cái, lông màu vàng sẫm, khoảng 06 năm tuổi của bà Hoàng Thị N được buộc vào cọc giữa bãi đất trống, N nảy sinh ý định bắt trộm con bò này nên gọi điện cho ông Q nói đi vào huyện C để chở thuê bò cho N. Khoảng hơn 30 phút sau ông Q đến, N mở dây buộc dắt bò lên xe kéo, rồi cùng ông Q đưa con bò này đến nhà của anh M để bán. Sau khi xem bò anh M đồng ý mua với giá 14.900.000 đồng, N trả cho ông Q 300.000 đồng tiền công chở bò, rồi N và ông Q ra về. Do anh M vay tiền của anh Trần Quý H để mua bò nên anh M giao con bò lại cho anh H xem như mua hộ. Anh H chở con bò trên về nhà mình, khoảng 02 ngày đến 03 ngày sau, anh H đem ra chợ N ở xã K, huyện C, tỉnh H bán cho một người không quen biết với giá 17.400.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Vào trưa ngày 10/3/2021, N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 53S8 - 6566 từ nhà ra thành phố H, tỉnh H tìm trâu, bò chăn thả rông để lấy trộm. Khi đi đến bãi đất trống, gần khu nghĩa trang phía sau nhà ở xã hội thuộc phường T, thành phố H, phát hiện 01 con nghé màu đen, khoảng 08 tháng tuổi của anh Lê A đang thả rông, N đi lại cầm dây thừng buộc nghé vào một gốc cây ven đường. Sau đó, N gọi điện thoại cho ông Q để thuê chở thì ông Q đồng ý. Khoảng 30 phút sau, ông Q đến nơi, N dắt con nghé lên xe rồi đưa đến nhà Dương Công M bán cho anh M với giá 12.800.000 đồng, rồi trả cho ông Q 200.000 đồng tiền công chở. Khoảng 01 tiếng sau, có một người đàn ông lạ mặt điều khiển 01 chiếc ô tô tải dừng xe và hỏi mua con nghé này thì anh M đã đồng ý và bán với số tiền 13.700.000 đồng.

- *Lần thứ 4:* Vào khoảng 09 giờ ngày 19/3/2021, N đi làm nhưng không có việc nên đã điều khiển xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II, biển kiểm soát 53S8 - 6566 của mình xuống huyện H, tỉnh H tìm trâu, bò để trộm. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, N đi đến bãi đất trống thuộc khu quy hoạch du lịch

huyện H ở thôn N, xã T phát hiện có 02 con bò của ông Nguyễn Xuân L đang chăn thả, trong đó có 01 con bò cái lông màu vàng đỏ, đang buộc vào một gốc cây, không có người trông coi. N dùng xe mở cốp lấy ra 01 con dao rọc giấy cắt dây thừng rồi dắt con bò cái đi dọc theo đường đê biển đi xuống khoảng 30 mét, buộc vào một gốc cây ven đường. Sau đó, N gọi điện thoại cho ông Q nhờ xuống chở con bò này thì ông Q đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì ông Q đến nơi, N dắt con đã lấy trộm được lên xe kéo rồi cùng ông Q chở con bò này lên bán cho anh Dương Công M với giá 15.900.000 đồng. Lúc này vì không có đủ tiền nên anh M trả trước cho N số tiền 14.900.000 đồng và nợ 1.000.000 đồng. N trả cho ông Q 400.000 đồng tiền công chở bò, rồi cả hai ra về. Đến chiều cùng ngày, anh M kéo con bò trên đến bán cho anh Trần Quý H với số tiền 18.000.000 đồng. Đến ngày 23/3/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Hà đã thu giữ con bò này tại nhà anh Trần Quý H.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSLH ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện Lộc Hà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt Nguyễn Văn N từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa xử theo quy định của pháp luật

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có được trong hồ sơ vụ án cho thấy: Từ ngày 07/02/2021 đến ngày 19/3/2021 Nguyễn Văn N thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản là bò và nghé của những người bị hại gồm: chị Trương Thị S, anh Lê A đều ở thành phố H; bà Hoàng Thị N ở thị trấn C, huyện C, ông Nguyễn Văn L ở thôn N, xã T, huyện L đem bán cho đại lý thu mua trâu bò của anh Dương Công M ở xã L, huyện T nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại thông báo kết luận định giá tài sản số 03/TB-TĐGD ngày 29/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Lộc Hà xác định: 01 con bò giống cái lông màu vàng đỏ có chiều dài (tính từ đầu đến đuôi) khoảng 1,75m, chiều cao (tính từ chân đến đỉnh U) khoảng 1.18m, bò có hai sừng hướng về phía trước, mỗi sừng dài khoảng 10cm, khoảng cách giữa hai đỉnh sừng khoảng 30cm, vòng ngực của bò khoảng 1,6m là của ông Nguyễn Xuân L. Có giá trị 18.000.000 đồng

Và tại thông báo kết luận định giá tài sản số 07/TB-TĐGD ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Lộc Hà xác định: 01 con bò giống cái lông màu vàng sẫm, khoảng 6 năm tuổi, cao 120cm, dài khoảng 170cm, trọng lượng khoảng 150 – 170kg (tài sản không thu giữ được) của bà Hoàng Thị N, có giá trị 17.000.000 đồng; 01 con bò giống đực lông màu vàng, khoảng 6 năm tuổi, cao 140cm, dài khoảng 180cm, trọng lượng khoảng 160kg, có 02 sừng, mỗi sừng dài khoảng 20cm (tài sản không thu giữ được) của chị Trương Thị S, có giá trị 21.000.000 đồng; 01 con nghé màu đen, khoảng 8 tháng tuổi, trọng lượng khoảng 120kg, dài khoảng 130cm, cao khoảng 1 mét, có 02 sừng, mỗi sừng dài khoảng 10cm (tài sản không thu giữ được) của anh Lê A, có giá trị 13.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 69.500.000 đồng.

Vì vậy Tòa xét thấy có đầy đủ các căn cứ để xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 điều 173 - BLHS như Cáo trạng của VKS đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn N đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa xét thấy cần áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52-BLHS. Bên cạnh đó, ngày 07/11/2016, bị cáo Nguyễn Văn N đã Tòa án nhân dân thành phố H

xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*". Do đó Tòa cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; Sau khi bị tạm giam, bị cáo đã thuyết phục gia đình bồi thường thiệt hại giúp cho bị cáo; Ngoài ra, sau khi bị cáo bị phát hiện hành vi phạm tội tại xã T, bị cáo đã khai thêm 03 lần phạm tội trước đó; Bên cạnh đó bị cáo có bố là ông Nguyễn Xuân T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, có mẹ là Nguyễn Thị L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba nên Tòa xét thấy cần áp dụng các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51-BLHS xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên dù được xem xét chiếu cố, Tòa xét thấy cần cách ly xã hội bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người có ích và ngăn ngừa chung cho toàn xã hội.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này, các người bị hại là bà Trương Thị S, bà Hoàng Thị N, anh Lê A đã yêu cầu bị cáo phải bồi thường các thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra và giá trị thiệt hại phù hợp với trị giá của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND huyện Lộc Hà nên Tòa xét thấy yêu cầu của người bị hại là có cơ sở và nghĩ nên chấp nhận. Cụ thể: bà Trương Thị S yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 21.000.000 đồng nhưng bà S đã được bồi thường trước là 17.000.000đ. Nay yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền tiếp là 4.000.000 đồng; bà Hoàng Thị N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 17.000.000 đồng nhưng bà N đã được bồi thường trước là 14.000.000đ. Nay yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền tiếp là 3.000.000 đồng; anh Lê A yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 13.500.000 đồng nhưng anh Lê A đã được bồi thường trước là 10.000.000đ. Nay yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường số tiền tiếp là 3.500.000 đồng. Do đó, Tòa xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 47-BLHS; các Điều 584, 585, 587, 589-BLDS xử buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền trên.

Còn ông Nguyễn Xuân L đã nhận lại con bò bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. anh Trần Quý H, anh Dương Công M đã được bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa miễn xét.

4. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Hà đã thu giữ được vật chứng sau:

+ 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Dream II màu nâu BKS 53S8 – 6566, số khung: RMDDCG5MD61002759; số máy: VDMD100-10018759. Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận đã mua chiếc xe trên của một người không quen biết vào khoảng 7 năm trước và cơ quan điều tra cũng đã xác minh thể hiện chiếc xe này không có chủ sở hữu. Tuy nhiên Tòa xét thấy việc xác định chủ sở hữu chiếc xe máy này chưa thực hiện theo quy định tại Điều 228-BLDS nên chưa thể xác định được đây là hành vi của bị cáo là mua bán hay là do phạm tội mà có. Do đó, Tòa chưa đủ căn cứ để xử lý vật chứng này và chuyển vật chứng là chiếc mô tô có đặc điểm như trên cho Công an huyện Lộc Hà tiếp tục làm rõ.

+ 01 con dao kiểu dao rọc giấy dài 15cm phần ốp cán dao bằng nhựa màu cam, phần lưỡi dao bằng kim loại sáng màu đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen. Tòa xét thấy các tài sản này đã cũ và không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 112 màu đen bên trong có số thuê bao 0949916633 và 0849024556 máy đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 112 màu đen máy không có thẻ sim đây là phương tiện và công cụ mà bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 4.000.000đ của bị cáo N để đảm bảo công tác thi hành án.

- **Về án phí:** Bị cáo phải nộp án phí HSST, DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52-Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn N 30 (*bà mươi*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24/3/2021

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 2 Điều 47-BLHS; các Điều 584, 585, 587, 589-BLDS xử buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà Trương Thị S

số tiền là 4.000.000đ, cho bà Hoàng Thị N số tiền là 3.000.000đ, cho anh Lê A số tiền là 3.500.000đ.

- *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu 01 con dao kiểu dao rọc giấy dài 15cm phần ốp cán dao bằng nhựa màu cam, phần lưỡi dao bằng kim loại sáng màu đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen (của Nguyễn Văn N) tiêu hủy.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 112 màu đen bên trong có số thuê bao 0949916633 và 0849024556 máy đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel izi 112 màu đen máy không có thẻ sim sung công quỹ Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 4.000.000đ của bị cáo N để đảm bảo công tác thi hành án.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136-BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 525.000đ án phí dân sự giá ngạch.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự do N hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 3 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- Phòng GDKT-TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện Lộc Hà;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- THA hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Quang